

QUY ĐỊNH
về sản xuất, duyệt và xuất bản sản phẩm
thông tin video trên Cổng thông tin nguồn của Thông tấn xã Việt Nam

- Căn cứ Luật Báo chí năm 2025;
- Căn cứ Luật An ninh mạng năm 2025;
- Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2009, 2019, 2022 và 2025;
- Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số 18-QĐ/TW ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Thông tấn xã Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 462-QĐ/TTXVN, ngày 24/4/2026 của Tổng Giám đốc TTXVN về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trung tâm Nội dung số và Truyền thông;
- Căn cứ các quy định hiện hành của Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam về định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức sản phẩm và phương án giá sản xuất các sản phẩm, tác phẩm báo chí, nội dung số của Thông tấn xã Việt Nam;
- Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Nội dung số và Truyền thông.

Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam ban hành Quy định về sản xuất, duyệt và xuất bản sản phẩm thông tin video trên Cổng thông tin nguồn của Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về nguyên tắc, trình tự, trách nhiệm, thẩm quyền và phương thức phối hợp trong việc sản xuất, duyệt, xuất bản, lưu trữ dữ liệu, hậu kiểm, đo kiểm mức độ lan tỏa và nghiệm thu sản phẩm thông tin video trên Cổng thông tin nguồn của TTXVN thông qua hệ thống quản lý sản xuất MAM và các hệ thống liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thông tin nguồn, đơn vị thông tin xuất bản, các Cơ quan thường trú (CQTT) của TTXVN ở trong và ngoài nước; các đơn vị hỗ trợ thông tin, kỹ thuật có liên quan; lãnh đạo/người được phân quyền, phóng viên, biên tập viên, quay phim viên, kỹ thuật viên dựng hình, kỹ thuật viên đồ họa và các cá nhân tham gia vào quy trình sản xuất, duyệt, KCS, xuất bản, hậu kiểm, vận hành kỹ thuật và nghiệm thu sản phẩm thông tin video.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Cổng thông tin nguồn của TTXVN (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin nguồn)*: Hạ tầng lưu trữ, tích hợp, kiểm chứng và phân phối các loại hình thông tin của TTXVN bao gồm tin văn bản, ảnh, đồ họa, âm thanh, video tại địa chỉ: http://news.vnnet.vn.

2. *Hệ thống tác nghiệp MAM (Media Asset Management)*: Hệ thống phần mềm và hạ tầng chuyên dụng dùng để lưu trữ, phân loại, tìm kiếm, sản xuất, biên tập, hiệu đính tư liệu đa phương tiện (video, audio, hình ảnh, tài liệu văn bản, đồ họa) do Trung tâm Nội dung số và Truyền thông điều phối, vận hành.

3. *Hệ thống NPS (News Production System)*: Hệ thống Quản trị và Sản xuất Tin tức phục vụ quy trình sản xuất, xử lý và phát hành các loại hình thông tin nguồn văn bản và ảnh của TTXVN.

4. *Sản phẩm thông tin video nguồn*: Tác phẩm báo chí dưới dạng video đã qua duyệt và xuất bản chính thức trên Cổng thông tin nguồn.

5. *Hồ sơ đề tài trên hệ thống MAM*: Không gian quản lý dữ liệu điện tử tích hợp được khởi tạo duy nhất cho mỗi đề tài, lưu trữ toàn bộ kịch bản, dữ liệu thô, các phiên bản dựng, chỉnh sửa và nhật ký thao tác của các cá nhân tham gia.

6. *Duyệt xuất bản*: Thao tác xác thực pháp lý và nghiệp vụ của người có thẩm quyền trên hệ thống MAM, đóng băng phiên bản video thành phẩm và cho phép chuyển giao sang bộ phận KCS/Xuất bản.

7. *Duyệt nghiệm thu*: Thao tác xác thực pháp lý và nghiệp vụ của người có thẩm quyền trên hệ thống MAM tiến hành đánh giá chất lượng sản phẩm bằng hình thức chấm điểm định mức các chức danh trong quy trình sản xuất trên hồ sơ đề tài, làm căn cứ hạch toán tài chính và nhuận bút.

8. *Bộ phận Kiểm tra chất lượng (KCS)*: Bộ phận chuyên trách thuộc Trung tâm Nội dung số và Truyền thông thực hiện kiểm tra độc lập các tiêu chí kỹ thuật hậu kỳ (độ phân giải, âm lượng, tỷ lệ khung hình, logo, bar chữ) trước khi xuất bản.

9. *Tích hợp tin video vào tin văn bản*: Quy trình kỹ thuật và nghiệp vụ gắn kèm mã nhúng hoặc liên kết video nguồn tương ứng vào dòng bản tin văn bản phát hành trên Cổng thông tin nguồn.

10. *Luồng xử lý ưu tiên (rút gọn)*: Quy trình xử lý nhanh (fast-track) được cấu hình trên hệ thống MAM dành cho tin khẩn, tin đột xuất (Breaking News); cho phép rút ngắn thời gian xử lý hoặc giản lược trình tự một số bước tiền kỳ theo quy định nhưng bắt buộc phải bảo đảm thẩm quyền phê duyệt, trách nhiệm cá nhân và lưu vết tự động toàn bộ thao tác trên hệ thống.

11. *Sản phẩm có nội dung quan trọng, phức tạp, nhạy cảm*: Tác phẩm thông tin video phản ánh các vấn đề liên quan trực tiếp đến an ninh quốc gia, chủ quyền, bí mật nhà nước; hoạt động chính trị, đối ngoại của lãnh đạo cấp cao; vấn đề dân tộc, tôn giáo; các vụ án, vụ việc chưa có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền hoặc các sự kiện phức tạp tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng truyền thông, đòi hỏi phải xin ý kiến Lãnh đạo trước khi xuất bản.

12. *Thay đổi lớn trong đề tài*: Sự thay đổi làm biến đổi bản chất của đề tài so với nội dung đã được phê duyệt ban đầu, bao gồm: Thay đổi chủ đề hoặc thông điệp cốt lõi; thay đổi đối tượng, nhân vật phản ánh; thay đổi định hướng tư tưởng, góc tiếp cận báo chí; hoặc thay đổi phạm vi tác nghiệp.

13. *Hậu kiểm sản phẩm video*: Hoạt động rà soát, đánh giá lại toàn bộ sản phẩm video đã xuất bản về nội dung, kỹ thuật, bản quyền và độ lan tỏa (lượt tải, lượt truy cập) làm cơ sở đánh giá chất lượng và nghiệm thu.

14. *Dấu hiệu nhận diện*: Logo, ident, watermark, khung nhận diện thương hiệu thống nhất của TTXVN và các đơn vị trực thuộc.

15. *Trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI)*: Mô hình công nghệ AI có khả năng tự động tạo ra nội dung văn bản, hình ảnh, âm thanh hoặc video mới từ dữ liệu huấn luyện.

16. *Deepfake*: Kỹ thuật ứng dụng AI để tạo ra hoặc chỉnh sửa hình ảnh, video, âm thanh giả mạo giống thực tế nhằm mô phỏng người thật.

17. *Hình thô (RAW)*: Hình ảnh ghi hình trực tiếp từ hiện trường, chưa qua quy trình xử lý nội dung và kỹ thuật, chưa đủ điều kiện xuất bản.

18. *Hình thành phẩm*: Video đã được biên tập, xử lý, hoàn chỉnh theo quy trình và đủ điều kiện xuất bản.

19. *Hình tư liệu*: Dữ liệu hình ảnh được lựa chọn, biên tập, phân loại để phục vụ khai thác, sử dụng lâu dài.

20. *Đơn vị thông tin nguồn*: Bao gồm Ban Biên tập tin Trong nước, Ban Biên tập tin Thế giới, Ban Biên tập tin Đối ngoại, Ban Biên tập tin Kinh tế, Ban biên tập Ảnh, Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa, Trung tâm Nội dung số và Truyền thông.

21. *Đơn vị thông tin xuất bản:* Bao gồm Báo Tin tức và Dân tộc, Báo điện tử VietnamPlus, Báo Thể thao và Văn hóa, Báo Ảnh Việt Nam, Báo Le Courrier du Vietnam, Báo Việt Nam News and Law, Nhà xuất bản Thông tấn.

22. *Đo kiểm mức độ lan tỏa thông tin:* Hoạt động thu thập, thống kê và phân tích các chỉ số định lượng về mức độ tiếp nhận, tải về, lượt xem, chia sẻ, tương tác của sản phẩm video trên Cổng thông tin nguồn, Cổng thông tin dịch vụ video và các nền tảng mạng xã hội; làm cơ sở đánh giá hiệu quả thông tin, nghiệm thu chất lượng và tính định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định của TTXVN.

Điều 3. Mục đích và yêu cầu quản lý

1. Mục đích

Thiết lập đầu mối chịu trách nhiệm xuất bản toàn bộ sản phẩm thông tin video trên Cổng thông tin nguồn. Đảm bảo sản phẩm trước khi xuất bản được kiểm soát về nội dung, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật về hình ảnh, âm thanh, đồ họa, bản quyền và các yêu cầu nghiệp vụ có liên quan.

Thiết lập quy trình sản xuất thông tin video khép kín; xác định rõ trình tự, trách nhiệm, thẩm quyền và phương thức phối hợp trong toàn bộ quá trình từ đăng ký đề tài đến xuất bản, nghiệm thu sản phẩm.

2. Yêu cầu

Mọi sản phẩm thuộc phạm vi áp dụng phải được quản lý trên hệ thống MAM. Sản phẩm thông tin của đơn vị nào thì đơn vị đó chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt nội dung, chất lượng hình ảnh và bản quyền trước khi xuất bản.

Việc phân công, phân cấp, phân quyền phải bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và có khả năng kiểm tra, giám sát, truy vết và hậu kiểm.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Một sản phẩm - một hồ sơ - một luồng nghiệp vụ: Mỗi sản phẩm được tạo hồ sơ trên hệ thống MAM ngay từ khâu đăng ký; toàn bộ phiên bản, tài nguyên, thông tin nghiệp vụ và quá trình xử lý được quản lý thống nhất trong hồ sơ đó.

2. Phân quyền gắn với trách nhiệm: Cá nhân được phân quyền thực hiện công đoạn nào chịu trách nhiệm đối với thao tác, nội dung và quyết định thuộc phạm vi công đoạn đó; không sử dụng chung tài khoản, không duyệt thay khi chưa được phân quyền.

3. Kiểm soát theo từng công đoạn: Sản phẩm chỉ được chuyển bước khi đáp ứng điều kiện của công đoạn liền kề trước đó; sản phẩm chưa đạt phải được trả lại đúng công đoạn để chỉnh sửa, bổ sung và ghi rõ ý kiến xử lý.

4. Chuẩn hóa xuất bản chính thức: Sản phẩm chỉ được chuyển xuất bản sau khi người có thẩm quyền xác nhận “Duyệt xuất bản” trên hệ thống MAM. Sau khi duyệt xuất bản, hệ thống xác lập phiên bản chính thức để phát hành trên Cổng thông tin nguồn.

5. Lưu vết và bảo đảm an toàn dữ liệu: Mọi thao tác biên tập, duyệt và điều chỉnh phải được lưu vết tự động trên hệ thống. Hệ thống phải lưu nhật ký tối thiểu về người đăng ký, người biên tập, người duyệt bước 1, người duyệt nghiệm thu, người chuyển giao, người xuất bản, phiên bản và thời điểm thao tác.

6. Đồng bộ và liên thông hệ thống tác nghiệp:

a) Trong giai đoạn các hệ thống vận hành độc lập, việc quản lý sản phẩm video thực hiện trực tiếp trên MAM; đối với tuyển tin tích hợp (văn bản, ảnh, video), phóng viên/biên tập viên bảo đảm tính thống nhất về tiêu đề và từ khóa định danh đề tài trên hệ thống NPS và MAM.

b) Khi hạ tầng kỹ thuật của TTXVN cho phép liên thông giữa NPS và MAM, thủ tục đăng ký đề tài/dự kiến thông tin sẽ được tự động đồng bộ một cửa từ NPS sang MAM (không yêu cầu người dùng khai báo thủ công lặp lại). Các cơ chế xử lý tin khẩn, ngắt liên kết khi có sự cố và lưu chiếu tư liệu số cũng được tự động hóa liên thông tương ứng theo năng lực đáp ứng của hạ tầng kỹ thuật.

Điều 5. Nguyên tắc xác định và áp dụng định mức sản phẩm thông tin video

1. Thể loại, định mức sản phẩm thông tin video đăng tải trên Cổng thông tin nguồn được xác định trên cơ sở các văn bản, quy định có hiệu lực do Tổng giám đốc TTXVN ban hành.

2. Các đơn vị thông tin nguồn, đơn vị thông tin xuất bản quy định cụ thể chức danh tham gia sản xuất và điểm định mức tương ứng với từng chức danh được xác định, đảm bảo phù hợp với nội dung công việc, mức độ tham gia, chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng vị trí trong quy trình sản xuất sản phẩm thông tin video.

Chương II

QUY TRÌNH SẢN XUẤT, DUYỆT VÀ XUẤT BẢN

Điều 6. Quy trình sản xuất tiền kỳ

Bước 1 - Đăng ký đề tài: Phóng viên/biên tập viên tạo hồ sơ đề tài trên hệ thống MAM, thông tin đầy đủ theo yêu cầu, gồm: tên đề tài, thể loại, thời gian dự kiến xuất bản, đề cương kịch bản hoặc mô tả sơ bộ nội dung; đăng ký quay phim viên, kỹ thuật viên đồ họa và các thông tin liên quan (nếu cần thiết).

Trong trường hợp cần đăng tin khẩn, tin đột xuất, phóng viên/biên tập viên tạo hồ sơ đề tài theo Luồng xử lý ưu tiên.

Người đăng ký chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin hồ sơ đề tài và lựa chọn đúng thể loại sản phẩm.

Trạng thái hệ thống: Chờ duyệt đề tài.

Bước 2 - Duyệt đề tài: Lãnh đạo/người có thẩm quyền xem xét nội dung đăng ký, định hướng thông tin, tính thời sự, tính khả thi và nguồn lực thực hiện; quyết định phê duyệt, yêu cầu chỉnh sửa hoặc không phê duyệt. Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa hoặc không phê duyệt phải nêu rõ lý do trên hệ thống.

Các đơn vị xây dựng cơ chế phân quyền phê duyệt phù hợp với đặc thù của đơn vị. Đối với sản phẩm của Cơ quan thường trú, đề tài do Trưởng/Phó Trưởng Cơ quan thường trú phê duyệt. Trường hợp đăng ký sử dụng quay phim viên, trường quay hoặc đồ họa phải đăng ký qua MAM và được Ban Giám đốc Trung tâm Nội dung số và Truyền thông phê duyệt.

Trạng thái hệ thống: Đã duyệt đề tài/Yêu cầu chỉnh sửa/Không phê duyệt.

Bước 3 - Xây dựng kịch bản chi tiết và ghi hình hiện trường

Căn cứ đề tài đã được duyệt, phóng viên/biên tập viên xây dựng kịch bản chi tiết, đồng thời phối hợp với quay phim viên tổ chức tác nghiệp ngoài hiện trường hoặc tại trường quay, xác minh thông tin, phỏng vấn, ghi hình, thu âm và thu thập tư liệu liên quan.

Quay phim viên kiểm tra chất lượng hình ảnh, âm thanh và đưa dữ liệu hình thô vào đúng hồ sơ đề tài trên hệ thống MAM. Trên cơ sở tư liệu thu thập được, phóng viên/biên tập viên hoàn thiện kịch bản chi tiết và gửi yêu cầu duyệt.

Trường hợp nội dung, phạm vi hoặc tính chất đề tài có thay đổi lớn so với nội dung đã được phê duyệt, phóng viên hoặc biên tập viên chủ trì đề tài (người khởi tạo đề tài) có trách nhiệm cập nhật nội dung thay đổi trên hồ sơ MAM và báo cáo người đã phê duyệt đề tài đó (hoặc cấp có thẩm quyền của đơn vị) xem xét, quyết định trước khi tiếp tục thực hiện.

Trạng thái hệ thống: Đang sản xuất → Chờ duyệt kịch bản.

Bước 4 - Duyệt kịch bản chi tiết

Lãnh đạo/người được phân quyền xem xét kịch bản về nội dung, định hướng thông tin, kết cấu, lời bình, phỏng vấn, số liệu, hình ảnh dự kiến sử dụng và các yêu cầu nghiệp vụ.

Kết quả xử lý gồm: Duyệt kịch bản; yêu cầu chỉnh sửa; không duyệt. Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa hoặc không duyệt phải nêu rõ nội dung, lý do trên hệ thống.

Trạng thái hệ thống: Chờ duyệt kịch bản → Đã duyệt kịch bản/Yêu cầu chỉnh sửa /Không duyệt.

Điều 7. Quy trình sản xuất hậu kỳ

Bước 5 - Dựng hình và hoàn thiện sản phẩm

Căn cứ kịch bản đã được duyệt, phóng viên/biên tập viên phối hợp với kỹ thuật viên dựng, kỹ thuật viên đồ họa và các thành phần liên quan tiến hành dựng hình, xử lý âm thanh đảm bảo các yếu tố về bản quyền, đồ họa và các yếu tố kỹ thuật cần thiết.

Phóng viên/biên tập viên kiểm tra sự thống nhất giữa hình ảnh, lời bình, phỏng vấn, số liệu và nội dung kịch bản. Các phiên bản dựng phải được quản lý gắn với đúng hồ sơ đề tài trên MAM và có khả năng truy vết.

Trạng thái hệ thống: Đang dựng → Chờ duyệt.

Bước 6 - Duyệt xuất bản

Lãnh đạo/người được phân quyền thực hiện - duyệt thành phẩm video căn cứ kịch bản đã được duyệt và các yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ; quyết định một trong các phương án: Phê duyệt; yêu cầu chỉnh sửa; không duyệt.

Đối với sản phẩm có nội dung quan trọng, phức tạp, nhạy cảm hoặc thuộc trường hợp phải xin ý kiến cấp có thẩm quyền cao hơn, sản phẩm phải được chuyển đến đúng cấp có thẩm quyền duyệt theo luồng được cấu hình trên hệ thống.

Luồng duyệt được xác định căn cứ vào thể loại sản phẩm, đơn vị sản xuất, tính chất nội dung và mức độ nhạy cảm. Cá nhân tham gia quy trình không được tự ý bỏ qua cấp duyệt bắt buộc.

Trạng thái hệ thống: Chờ duyệt → Đã duyệt nội dung - Chờ chuyển KCS xuất bản/Yêu cầu chỉnh sửa/Không duyệt.

Bước 7 - Kiểm tra chất lượng (KCS) và xuất bản

Sau khi sản phẩm hoàn thành đầy đủ các cấp duyệt theo quy định, bộ phận KCS/xuất bản tiếp nhận phiên bản đã được duyệt và thực hiện kiểm tra các điều kiện kỹ thuật trước khi xuất bản.

Nội dung KCS chỉ bao gồm các tiêu chí về kỹ thuật theo quy định bao gồm: Tiêu đề, thanh bar, âm thanh, tỷ lệ khung hình và các yêu cầu kỹ thuật khác phục vụ xuất bản.

Kết quả kiểm tra gồm: Đạt: thực hiện xuất bản sản phẩm; Không đạt: trả lại sản phẩm, ghi rõ lỗi kỹ thuật cần khắc phục; Tạm dừng: áp dụng khi phát hiện vấn đề kỹ thuật chưa đủ điều kiện xuất bản hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Bộ phận KCS/xuất bản không tự ý sửa đổi nội dung hoặc thay đổi phiên bản sản phẩm đã được duyệt. Trường hợp phát hiện dấu hiệu sai sót về nội dung trong

quá trình kiểm tra kỹ thuật, bộ phận KCS/xuất bản tạm dừng xuất bản và chuyển lại đơn vị sản xuất hoặc người có thẩm quyền để xem xét, xử lý.

Trạng thái hệ thống: Chờ xuất bản → Đã xuất bản/Trả lại/Tạm dừng.

Bước 8 - Nghiệm thu, chấm điểm

Sản phẩm sau khi xuất bản được thực hiện nghiệm thu theo quy định. Lãnh đạo phòng/người được giao thẩm quyền căn cứ thể loại sản phẩm, điểm định mức, chức danh, thành phần tham gia, khối lượng và chất lượng công việc thực tế để xác nhận thành phần và chấm điểm trên hệ thống MAM.

Trường hợp đề xuất tăng hoặc giảm điểm so với mức quy định, phải nêu rõ lý do, mức điểm đề xuất và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Kết quả nghiệm thu, điểm sản phẩm, thành phần tham gia và lịch sử điều chỉnh phải được lưu trên hệ thống.

Trạng thái hệ thống: Chờ nghiệm thu → Đã nghiệm thu/Chờ phê duyệt điều chỉnh điểm.

Chương III

XỬ LÝ TIN KHẨN, SỰ CỐ, LƯU TRỮ VÀ QUẢN TRỊ BẢN QUYỀN

Điều 8. Cơ chế xử lý tin khẩn, tin đột xuất (Breaking News)

1. Khi phát sinh sự kiện nóng (Breaking News), cần phát tin nhanh theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, đề xuất của phóng viên/biên tập viên, Lãnh đạo Phòng/Trưởng ca trực quyết định phê duyệt Luồng xử lý ưu tiên trên MAM.

2. Luồng xử lý ưu tiên cho phép rút ngắn thời gian duyệt nhưng bắt buộc phải bảo đảm 2 điều kiện: Có cá nhân chịu trách nhiệm nội dung và lưu vết lịch sử thao tác trên hệ thống.

3. Hồ sơ đề tài tin khẩn phải được phóng viên/biên tập viên bổ sung, hoàn thiện đầy đủ các thủ tục hành chính nghiệp vụ trên MAM chậm nhất 02 giờ đối với ca trực trong ngày hoặc trong buổi làm việc tiếp theo đối với các sự kiện ban đêm/ngoài giờ hành chính.

Điều 9. Xử lý sản phẩm sai sót, chỉnh sửa và gỡ bỏ

1. Sai sót phát hiện trước khi xuất bản: Khi phát hiện sản phẩm không đáp ứng yêu cầu tại bất kỳ công đoạn nào, người xử lý phải tạm dừng chuyển bước, xác định lỗi, ghi rõ nội dung cần chỉnh sửa và trả sản phẩm về đúng cá nhân hoặc công đoạn chịu trách nhiệm theo thẩm quyền để tiến hành chỉnh sửa.

Sau khi chỉnh sửa, sản phẩm phải được kiểm tra lại và đi qua các bước cần thiết theo phân quyền; không được sử dụng thao tác kỹ thuật để bỏ qua bước nghiệp vụ bắt buộc.

2. Sai sót phát hiện sau khi xuất bản: Sản phẩm đã xuất bản nhưng phát hiện sai sót phải được xem xét xử lý theo hình thức chỉnh sửa, đính chính, thay thế, tạm dừng, gỡ bỏ hoặc biện pháp phù hợp khác theo quy định chung về thông tin trên Cổng thông tin nguồn do Lãnh đạo TTXVN ban hành; mọi thao tác phải được lưu vết.

3. Trường hợp phát hiện lỗi kỹ thuật như âm thanh, logo, thanh chữ, lỗi render hoặc lỗi kỹ thuật khác mà không làm thay đổi nội dung, sản phẩm được chỉnh sửa và kiểm tra lại về kỹ thuật trước khi xuất bản, không phải thực hiện lại quy trình duyệt nội dung. Trường hợp việc chỉnh sửa làm thay đổi nội dung hoặc bản chất thông tin của sản phẩm, phải thực hiện lại các bước biên tập, duyệt tương ứng theo quy định.

4. Khi có quyết định đính chính, thay thế hoặc gỡ bỏ sản phẩm video đã xuất bản, Trung tâm Nội dung số và Truyền thông (đơn vị đầu mỗi xuất bản video trên Cổng thông tin nguồn) có trách nhiệm thực hiện thao tác trên hệ thống MAM, đồng thời gửi thông báo khẩn bằng văn bản điện tử hoặc kênh tác nghiệp nội bộ đến Bộ phận quản trị Cổng Thông tin nguồn (Trung tâm Kỹ thuật Thông tấn) để lập tức ngắt liên kết, thay thế phiên bản và gửi cảnh báo kỹ thuật đến các khách hàng đã khai thác bản tin/video trước đó.

Điều 10. Quản trị bản quyền, tài sản số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)

1. Nghiêm cấm việc sử dụng công nghệ Deepfake hoặc AI Voice để tạo ra hoặc giả mạo hình ảnh, phát ngôn, giọng nói của nhân vật trái quy định của pháp luật.

2. Gán nhãn nội dung AI: Các video có sử dụng hình ảnh/âm thanh do AI tạo sinh (Generative AI) hỗ trợ mô phỏng phải được dán nhãn công khai ("Hình ảnh/Âm thanh do AI hỗ trợ") xuyên suốt toàn bộ video.

3. Nhận diện thương hiệu:

a) 100% video xuất bản phải chèn Logo/Watermark TTXVN ở vị trí quy định.

b) Biên tập viên/kỹ thuật viên chỉ được sử dụng âm thanh, nhạc nền từ kho bản quyền do Trung tâm Nội dung số và Truyền thông cung cấp.

Điều 11. Lưu trữ và khai thác dữ liệu

1. Dữ liệu hình ảnh trong quá trình sản xuất được phân loại để lưu trữ, gồm: hình thô (RAW), hình thành phẩm và hình tư liệu.

2. Thời gian lưu trữ được xác định căn cứ giá trị sử dụng và khả năng đáp ứng dung lượng của hệ thống; trong điều kiện hạ tầng đáp ứng, hình thô (RAW) lưu tối thiểu 01 tháng, thành phẩm lưu tối thiểu 01 năm, hình tư liệu có giá trị được lưu trữ lâu dài.

3. Việc khai thác dữ liệu được thực hiện theo phân quyền của từng đơn vị căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ và chỉ thực hiện trên hệ thống mạng nội bộ của TTXVN.

4. Nghiêm cấm việc tự ý sao chép, cung cấp, chuyển giao hoặc chia sẻ dữ liệu ra ngoài TTXVN khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

5. Trung tâm Nội dung số và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ, phân loại, quản lý dữ liệu và quyền truy cập; phối hợp với các đơn vị bảo đảm việc khai thác, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng đối tượng; phù hợp với các quy định của TTXVN và quy định của pháp luật về an ninh, an toàn thông tin.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA

Điều 12. Trách nhiệm của phóng viên, biên tập viên

1. Đăng ký, đề xuất đề tài; tổ chức thu thập, xác minh thông tin; xây dựng nội dung, kịch bản; phối hợp với các thành phần liên quan để hoàn thiện sản phẩm.

2. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị và pháp luật về tính chính xác của nội dung, số liệu, tên, chức danh, địa danh, phát ngôn, nguồn thông tin, nguồn tư liệu và các nội dung thuộc phần việc được giao.

3. Tiếp nhận, thực hiện yêu cầu chỉnh sửa và bảo đảm sản phẩm sau chỉnh sửa được duyệt lại theo đúng luồng nghiệp vụ.

Điều 13. Trách nhiệm của quay phim viên, kỹ thuật viên dựng hình, kỹ thuật viên đồ họa

1. Quay phim viên thực hiện ghi hình tiền kỳ tại hiện trường; bảo đảm chất lượng hình ảnh, âm thanh và đưa dữ liệu hình thô vào đúng hồ sơ đề tài trên hệ thống MAM.

2. Kỹ thuật viên dựng hình thực hiện dựng hậu kỳ theo kịch bản được duyệt; bảo đảm tiêu chí, yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng hình ảnh, âm thanh và các yếu tố liên quan. Không tự ý thay đổi nội dung khi chưa có ý kiến của phóng viên/biên tập viên hoặc người có thẩm quyền.

3. Kỹ thuật viên đồ họa thực hiện thiết kế các sản phẩm thông tin đồ họa theo đặt hàng của phóng viên/biên tập viên; bảo đảm chính xác về nội dung, số liệu, yêu cầu mỹ thuật theo các tiêu chí về đồ họa. Không tự ý thay đổi nội dung, số liệu được cung cấp.

Điều 14. Trách nhiệm của Phụ trách đơn vị và người được phân quyền duyệt

1. Trách nhiệm của Phụ trách đơn vị:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Tổng Giám đốc TTXVN và trước pháp luật về định hướng chính trị, tư tưởng, tính chuẩn mực, tính chính xác và bản quyền của toàn bộ sản phẩm thông tin video do đơn vị sản xuất, phát hành trên Cổng thông tin nguồn.

b) Thiết lập cơ chế phân công, phân cấp, ủy quyền duyệt trên hệ thống MAM cho phụ trách phòng nghiệp vụ hoặc biên tập viên có đủ năng lực; định kỳ rà soát, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và kỷ luật duyệt phát trong đơn vị.

c) Trực tiếp chỉ đạo, thẩm định và quyết định đối với các đề tài, sản phẩm video có nội dung quan trọng, phức tạp, nhạy cảm hoặc các trường hợp phát sinh vượt thẩm quyền xử lý của người được phân quyền duyệt.

d) Chịu trách nhiệm tổ chức, phê duyệt kết quả nghiệm thu, chấm điểm định mức sản phẩm của đơn vị theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của người được phân quyền duyệt:

a) Thực hiện việc duyệt đề tài, duyệt kịch bản, duyệt xuất bản hoặc nghiệm thu sản phẩm trên hệ thống MAM đúng thẩm quyền, đúng luồng phân cấp và quy trình được giao.

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Phụ trách đơn vị và trước pháp luật về nội dung, tính chuẩn mực chính trị, số liệu, hình ảnh, âm thanh, bản quyền và các quyết định phê duyệt của mình trên hệ thống MAM.

c) Nghiêm cấm việc sử dụng tài khoản của người khác, cho người khác mượn tài khoản hoặc duyệt thay khi chưa có ủy quyền chính thức bằng văn bản hoặc cấu hình hợp lệ trên hệ thống MAM.

d) Có trách nhiệm tạm dừng chuyển bước và kịp thời báo cáo Phụ trách đơn vị khi phát hiện sản phẩm có nội dung nhạy cảm, thông tin phức tạp, sai sót nghiêm trọng hoặc có tranh chấp bản quyền để xin ý kiến chỉ đạo trước khi phê duyệt.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ phận kiểm tra chất lượng (KCS), xuất bản và hạ tầng kỹ thuật

1. Bộ phận KCS tiếp nhận dữ liệu hình (file video) từ luồng đã phê duyệt/nghiệm thu; thực hiện kiểm tra kỹ thuật độc lập; từ chối xuất bản các file lỗi âm thanh, sai định dạng, thiếu logo, lỗi bar chữ hoặc không thỏa mãn các tiêu chí về kỹ thuật, hình ảnh theo quy định.

2. Thực hiện đẩy file video lên Cổng thông tin nguồn; tích hợp video vào tin văn bản theo quy định.

3. Bảo đảm hệ thống MAM, đường truyền và hạ tầng trường quay vận hành liên tục 24/7. Định kỳ kiểm tra an toàn thông tin, sao lưu dữ liệu, quản lý phân quyền và phối hợp ứng cứu sự cố hệ thống.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. Các đơn vị thông tin nguồn, các đơn vị thông tin xuất bản, các Cơ quan thường trú trong và ngoài nước, các đơn vị trực thuộc TTXVN có trách nhiệm thực hiện Quy định này, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy trình được quy định.

2. Giao Trung tâm Nội dung số và Truyền thông làm đầu mối tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm tiếp nhận và xuất bản các sản phẩm thông tin video trên Cổng thông tin nguồn; hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị và Cơ quan thường trú trong quá trình sản xuất, duyệt, xuất bản và xử lý sản phẩm thông tin video trên hệ thống MAM theo Quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm hậu kiểm, thống kê và đo kiểm độ lan tỏa

1. Hậu kiểm và thống kê sản phẩm:

a) Trung tâm Nội dung số và Truyền thông là đầu mối nghiệp vụ tiếp nhận, xuất bản và thống kê sản phẩm video.

b) Ban Thư ký biên tập và Quan hệ đối ngoại thực hiện hậu kiểm theo chức năng.

c) Trung tâm Kỹ thuật Thông tấn bảo đảm hạ tầng kỹ thuật Cổng thông tin nguồn để xuất bản thông tin video.

d) Ban Kế hoạch - Tài chính căn cứ số liệu thống kê tổng hợp sản phẩm video, chỉ số lan tỏa thực hiện hạch toán định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định hiện hành của TTXVN.

2. Phân định trách nhiệm đo kiểm độ lan tỏa:

Việc thu thập, thống kê các chỉ số lan tỏa thông tin video (lượt tải, lượt truy cập, lượt xem, tương tác) được phân định theo hạ tầng quản trị:

a) Trung tâm Kỹ thuật Thông tấn chịu trách nhiệm đo kiểm trên Cổng thông tin nguồn (news.vnnet.vn);

b) Trung tâm Nội dung số và Truyền thông chịu trách nhiệm đo kiểm trên website, các nền tảng số và trang thông tin dịch vụ do đơn vị quản trị;

c) Các đơn vị thông tin nguồn và đơn vị thông tin xuất bản chịu trách nhiệm đo kiểm trên website và nền tảng mạng xã hội do mình quản trị.

3. Ứng dụng kết quả đo kiểm tính định mức:

Khung chỉ số cơ sở về mức độ lan tỏa đối với từng thể loại sản phẩm thông tin video do Tổng Giám đốc TTXVN ban hành và điều chỉnh theo từng thời kỳ. Kết quả đo kiểm hợp lệ được chuyển giao, cập nhật vào hồ sơ đề tài trên hệ thống MAM làm căn cứ tính hệ số lan tỏa, phục vụ việc chấm điểm nghiệm thu, tính định mức kinh tế - kỹ thuật và chi trả chế độ theo quy định.

4. Xử lý vướng mắc:

Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, các đơn vị phản ánh về Trung tâm Nội dung số và Truyền thông để hướng dẫn hoặc tổng hợp, trình Tổng Giám đốc TTXVN xem xét, kịp thời sửa đổi, bổ sung.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Các đơn vị trực thuộc và viên chức, người lao động của TTXVN chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Văn phòng TTXVN có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới. Nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Văn phòng để báo cáo Tổng Giám đốc xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo TTXVN (để chỉ đạo);
- Phó Bí thư Đảng ủy Chuyên trách (để biết);
- Các đơn vị trực thuộc TTXVN;
- Các CQTT trong và ngoài nước;
- Lưu VT, TTNDSTT.

